

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC A&T VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC A&T VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A&T VIETNAM EDUCATION INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108086034

**3. Ngày thành lập:** 06/12/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố 7, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 08882323366

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1812        |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1820        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4290        |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4741        |
| 9.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8560        |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Khảo sát địa hình;<br>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình<br>Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt | 7110        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4390        |
| 12. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4641(Chính) |

|     |                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                               | 4651 |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4742 |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4761 |
| 16. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4771 |
| 17. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                          | 8219 |
| 18. | In ấn                                                                                                                             | 1811 |
| 19. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                    | 1410 |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 21. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                             | 4100 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                             | 4321 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                   | 4659 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                    | 4329 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VĂN QUY     | Tổ dân phố 7, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 150.000.000           | 10,000    | 0350840019<br>15                                                                            |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 15.000     | 150.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÌNH VIỆT HÙNG | Số 42 Hoàng Hoa Thám, Thị trấn Quảng Hà, Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 30,000    | 0220920008<br>04                                                                            |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                                          |                         |        |             |        |                  |  |
|---|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | TRẦN THẾ<br>TUÂN | Căn 1602 CC An<br>Bình, Tổ dân phố<br>Viên 6, Phường<br>Cổ Nhuế 2, Quận<br>Bắc Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 90.000 | 900.000.000 | 60,000 | 0350830017<br>68 |  |
|   |                  |                                                                                                                          | Tổng số                 | 90.000 | 900.000.000 | 60,000 |                  |  |
|   |                  |                                                                                                                          |                         |        |             |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH VIỆT HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 07/04/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 022092000804

Ngày cấp: 09/05/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 42 Hoàng Hoa Thám, Thị trấn Quảng Hà, Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 42 Hoàng Hoa Thám, Thị trấn Quảng Hà, Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội